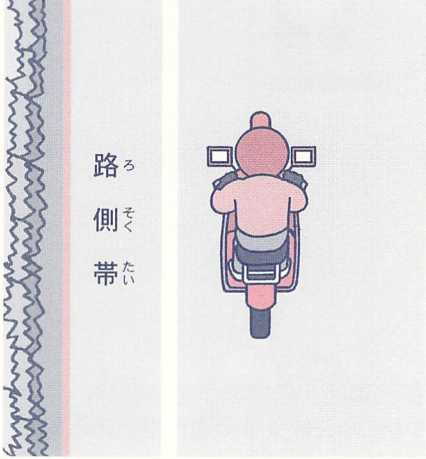
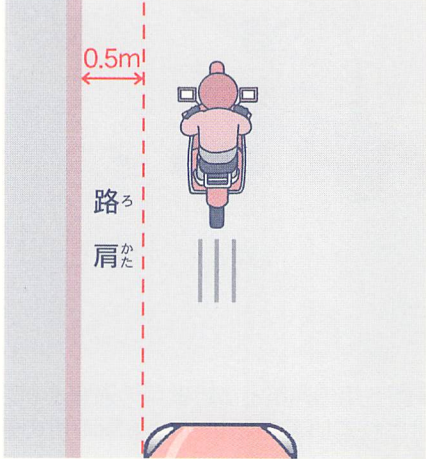
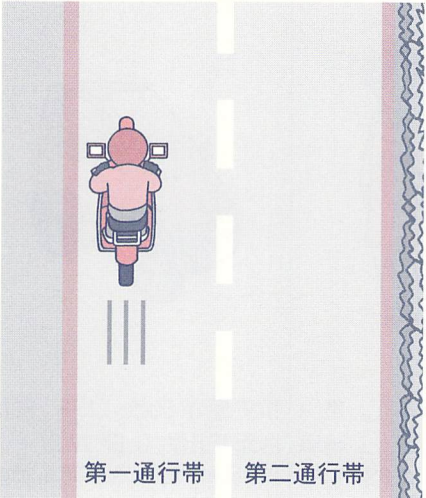
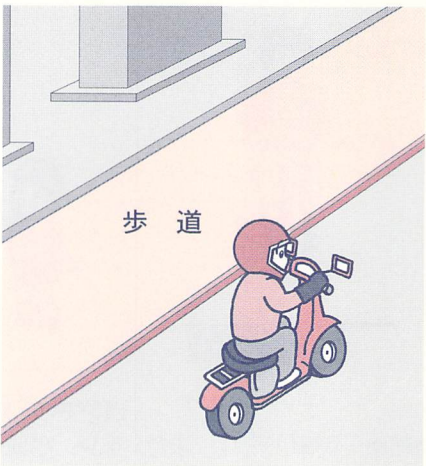


2. NĂM CHẮC THUẬT NGỮ GIAO THÔNG

◎ Cùng hiểu rõ và nhớ những thuật ngữ cơ bản nào!

(1) Thuật ngữ liên quan đến đường

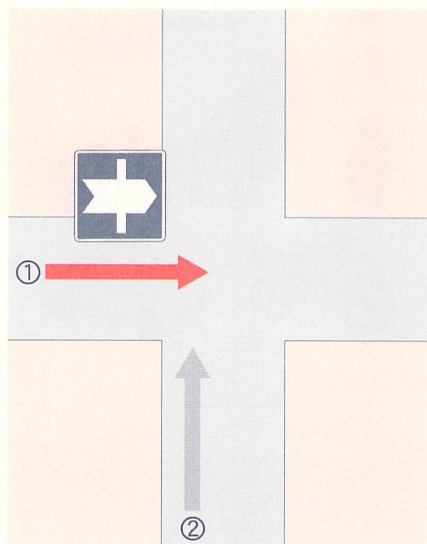
<p style="text-align: center;">Khu vực lề đường</p>  <p style="text-align: center;">路側帯</p> <p>Là đường dành cho người đi bộ được phân định bằng vạch kẻ đường ở đường không có vỉa hè.</p>	<p style="text-align: center;">Lề đường</p>  <p style="text-align: center;">0.5m</p> <p style="text-align: center;">路側帯</p> <p>Là dải đường 0.5m tính từ mép đường.</p>
<p style="text-align: center;">Làn xe lưu thông</p>  <p style="text-align: center;">第一通行帯 第二通行帯</p> <p>Hay còn gọi là “tuyến xe” hoặc “lane”. Là nơi xe lưu thông.</p>	<p style="text-align: center;">Vỉa hè</p>  <p style="text-align: center;">歩道</p> <p>Là phần đường được phân định bằng lan can, hàng rào, dây đá, v. v. để người đi bộ lưu thông.</p>

Đường xe chạy



Là đường dành cho xe được tách biệt với đường dành cho người đi bộ.

Đường ưu tiên



Là đường có biển báo “Đường ưu tiên”. Đường có làn xe hoặc vạch giữa đường bên trong giao lộ.

(2) Thuật ngữ liên quan đến xe

Xe thô sơ



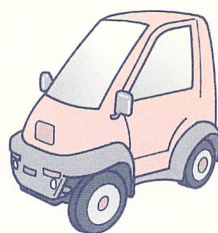
Bao gồm xe đạp, xe đẩy, xe trượt tuyết và cá bò và ngựa. Những xe không gắn động cơ phần lớn là xe thô sơ.

Người đi bộ



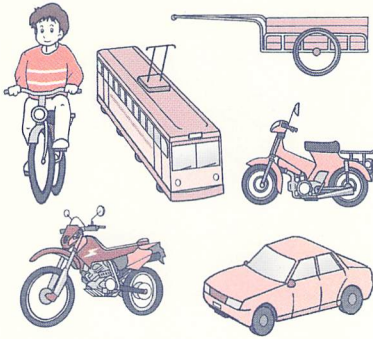
Là người đang đi bộ trên đường. Bao gồm cả xe lăn, xe nôi trẻ em, và xe 2 bánh tắt máy dẫn bộ.

Xe mini



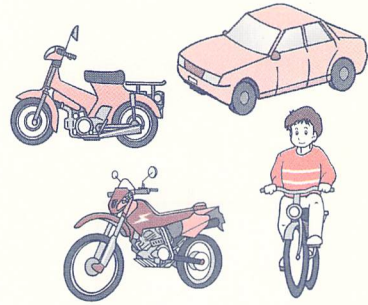
Là xe ô tô thông thường có động cơ tổng dung tích 50cc trở xuống hoặc hiệu suất định mức 0.6KW trở xuống.

Phương tiện giao thông



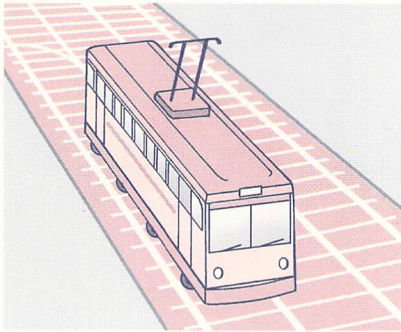
Xe và xe điện mặt đất.

Xe



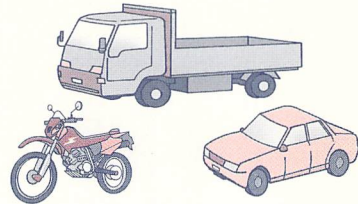
Xe ô tô, xe đạp gắn động cơ, xe bus điện, xe thô sơ.

Xe điện mặt đất



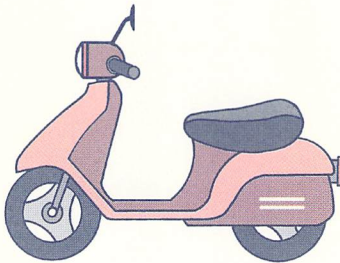
Xe điện có đường ray được lắp đặt trên đường.

Xe ô tô



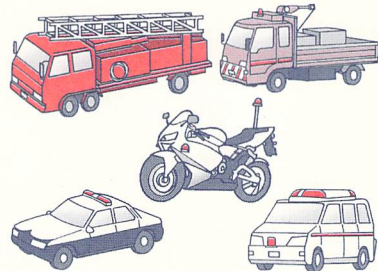
Là xe sử dụng động cơ để lái mà không có đường ray hoặc đường dây. Không bao gồm xe đạp, xe lăn và xe hỗ trợ đi bộ.

Xe máy



Là xe 2 bánh có tổng dung tích 50cc trở xuống. Hoặc xe có 3 bánh trở lên có tổng dung tích 20cc trở xuống.

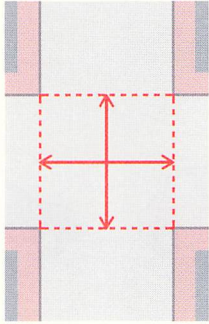
Xe khẩn cấp



Xe cứu hỏa hoặc xe cảnh sát đang lái xe trong trường hợp khẩn cấp, xe có gắn đèn cảnh báo màu vàng hoặc đỏ và phát còi báo động.

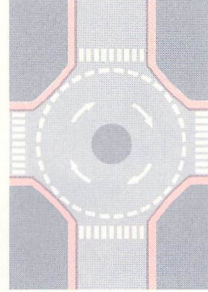
(3) Thuật ngữ cơ sở đường bộ

Giao lộ



Nơi giao nhau của 2 đường trở lên và có hình chữ thập hoặc chữ T, v. v.

Giao lộ vòng xoay



Là giao lộ mà phần đường xe lưu thông là hình tròn. Được quy định đi theo chiều kim đồng hồ.

Khu vực cấm vào



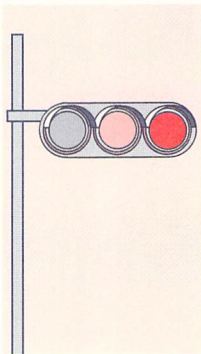
Là nơi hiển thị việc xe không được đi vào.

Biển báo



Là bản hiển thị các quy định giao thông hoặc hiệu lệnh giao thông đường bộ.

Đèn giao thông



Hiện thị tín hiệu điều khiển giao thông bằng đèn hoạt động bằng điện đối với giao thông đường bộ.

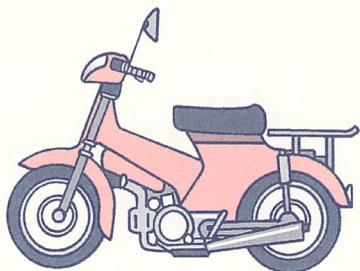
Vạch kẻ đường



Đối với giao thông đường bộ, những chữ, vạch, ký hiệu được hiển thị trên mặt đường bằng sơn, . . . để hiển thị quy tắc hoặc chỉ dẫn.

(4) Các thuật ngữ khác

Tổng dung tích



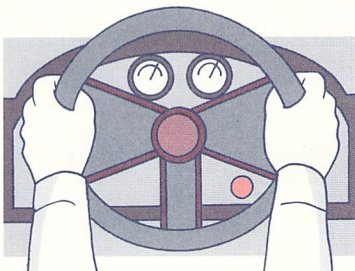
Là giá trị được dùng để chỉ độ lớn của động cơ. Giá trị càng lớn thì mã lực và mô men xoắn của xe càng lớn.

Kéo xe



Là việc dùng xe ô tô kéo để kéo xe hư hỏng bằng dây hoặc cần kéo, hoặc chở một xe khác.

Đi chậm



Là việc chạy với tốc độ có thể dùng xe ngay lập tức.